

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **34** /2017/HSST
Ngày: 16/9/2017.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Sáu.**

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Huỳnh Thanh Hùng;**

2. Bà **Nguyễn Thị Tuyết Ái.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Huỳnh Minh Nhựt** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện A tham dự phiên tòa: Ông **Hứa Thoại Khương** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 9 năm 2017, tại Nhà Văn hóa xã V xét xử lưu động công khai vụ án hình sự thụ lý số: 29/2017/HSST, ngày 18 tháng 8 năm 2017, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn C, sinh ngày 01/01/1991, tại huyện A, tỉnh An Giang; ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Ấp P, xã P, huyện A, tỉnh An Giang; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo Hòa Hảo; trình độ học vấn: 3/12; nghề nghiệp: Làm thuê; Cha: Nguyễn Văn T, sinh năm 1935; Mẹ: Nguyễn Thị C1, sinh năm 1943; Anh, em ruột có 07 người, bị cáo là người thứ sáu;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giam từ ngày 21/6/2017 đến nay;

Bị cáo có mặt.

NHỮNG NGƯỜI THAM GIA TỔ TỤNG:

Người bị hại:

Ông **Trần Tuấn V**, sinh năm 1990; ĐKKHKT: Khóm Đ 4, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

Chỗ ở hiện nay: Ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông **Lê Thanh H**, sinh năm 1972

ĐKKHKT: Ấp P, xã P, huyện A, tỉnh An Giang.

Chỗ ở hiện nay: Ấp B, xã Q, huyện A, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa, ông V có mặt, ông H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 20/6/2017, Nguyễn Văn C đến cơ sở massage “Kim Anh” thuộc ấp V, xã V, huyện A dự định vào massage. Khi vào quầy tiếp tân không thấy người quản lý, C quan sát xung quanh thấy 01 điện thoại di động, hiệu Iphone 5S màu trắng và máy tính bảng hiệu Wing S800, màu đen của anh Trần Tuấn V để trong quầy tiếp tân. C lấy điện thoại giấu vào túi quần bên trái, còn máy tính bảng cầm trên tay đi ra đường, đi bộ về nhà tại ấp P, xã P. Khi về đến nhà, C thay áo sơ mi dài tay sọc caro trắng - đen. Sau đó, C đi xe đồ lên quán karaoke “Kiều Oanh” thuộc ấp B, xã Q để hát karaoke và uống bia. Đến khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày thì nghỉ, tính tiền 1.075.000 đồng, do không có tiền trả nên C đã thế chấp lại điện thoại di động Iphone 5S lấy tại cơ sở massage “Kim Anh” cho anh Lê Thanh H (Là người quản lý quán karaoke “Kiều Oanh”) và hẹn ngày sau đến chuộc lại. Khi C bỏ đi, anh H mở điện thoại do C thế chấp thì thấy trong điện thoại có lưu hình ảnh của vợ chồng anh Trần Tuấn V nên anh gọi điện thoại hỏi anh V thì anh V cho biết bị mất trộm điện thoại và máy tính bảng. Sau khi được anh H cho biết, anh V đến cơ quan Công an trình báo.

Căn cứ Kết luận về việc định giá tài sản số 28/KL.TSĐGTTTHS ngày 22/6/2017, của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện A, tỉnh An Giang, xác định:

01 (một) điện thoại di động hiệu Apple loại Iphone 5S 16GB, màu trắng, trị giá 2.400.000 đồng; 01 (một) máy tính bảng hiệu Wing S800 màu đen, trị giá 1.700.000 đồng. Tổng giá trị các tài sản là: 4.100.000 đồng.

Trong giai đoạn điều tra, Cơ quan Cảnh Sát điều tra đã giao trả điện thoại và máy tính bảng cho anh Trần Tuấn V. Gia đình bị cáo đã trả đủ tiền quán cho anh Lê Thanh H.

Tại Bản cáo trạng số: 29/VKS.HS, ngày 17/8/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện A đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn C, về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn C khai nhận: Sau khi bị cáo đi làm giấy chứng minh nhân dân, trên đường về thì đi vào cơ sở massage Kim Anh để massage nhưng khi vào quầy tiếp tân thì không thấy ai, bị cáo đã lấy điện thoại và máy tính bảng. Sau đó bị cáo đi đến quán karaoke Kiều Oanh để hát, do không có tiền nên bị cáo để lại điện thoại.

Người bị hại Trần Tuấn V xác định đã nhận lại điện thoại và máy tính bảng bị mất trộm và không có yêu cầu gì khác.

Trong lời luận tội, vị đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố. Sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, đề nghị tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn C phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”; đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 138; các điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C từ 01 (Một) năm đến 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù và xử lý vật chứng theo quy định.

Bị cáo, người bị hại không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện A, tỉnh An Giang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh An Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về việc vắng mặt tại phiên tòa: Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Tuy nhiên, trong hồ sơ vụ án đã có lời khai của họ; lời khai này đã được công bố tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại, đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến phản bác và cũng không yêu cầu triệu tập họ đến phiên tòa. Xét thấy việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử nên tiến hành xét xử vắng mặt đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng là phù hợp với quy định tại các Điều 191, Điều 192 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Về nội dung: Xét lời khai của bị cáo phù hợp lời khai của người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng; Biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 22/6/2017 và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định: Khoảng 15 giờ ngày 20/6/2017, Nguyễn Văn C đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 điện thoại di động hiệu Iphone 5S, màu trắng và máy tính bảng hiệu Wing S800, màu đen của anh Trần Tuấn V có tổng trị giá 4.100.000 đồng. Hành vi của Nguyễn Văn C đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*”; tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự. Xác định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện A là đúng quy định của pháp luật hình sự.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân và làm mất an ninh trật tự tại địa phương.

Xét tính chất của vụ án: Bị cáo C là thanh niên có sức khỏe, có thể tìm việc làm hợp pháp để có thu nhập chính đáng nuôi sống bản thân và phục vụ cho nhu cầu cuộc sống. Bị cáo xuất thân từ nhân dân lao động, lẽ ra bị cáo phải hiểu được, muốn có tài sản thì người khác cũng phải bỏ bao công sức lao động mới có được. Do bản tính tham lam, muốn có tiền tiêu xài mà không phải lao động, bị cáo đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, mục đích vụ lợi, tiêu xài cá nhân. Pháp luật quy định, tài sản của công dân là bất khả xâm phạm, bất kỳ ai, ở cương vị nào có hành vi xâm phạm tài sản của người khác một cách trái pháp luật đều bị trừng trị. Hành vi của bị cáo chẳng những vi phạm pháp luật hình sự mà còn vi phạm đạo đức. Do đó, cần được trừng trị nghiêm để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Xét về nhân thân và lượng hình: Ngày 30/8/2011, Nguyễn Văn C đã bị Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang xử phạt 07 tháng tù, về tội “*Trộm cắp tài sản*”; đã chấp hành xong hình phạt và thuộc trường hợp đương nhiên xóa án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 64 Bộ luật hình sự. Điều này cho thấy, trong thời gian cải tạo, giáo dục, bị cáo chưa nhận thức được hành vi sai trái; chưa thể hiện được ý chí phục thiện. Do đó, cần áp dụng hình phạt tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội thêm một thời gian nữa mới có thể có đủ thời gian cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội về sau.

Tuy nhiên, Hội đồng xét xử cũng có xem xét giảm nhẹ phần nào về hình phạt cho bị cáo. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thật thà khai báo; tài sản đã được thu hồi và trả cho chủ sở hữu. Bị cáo thuộc thành phần nhân dân lao động nghèo, học vấn thấp, nên có xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo theo quy định tại điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự.

Xét thấy đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật và phù hợp thực tế, hoàn cảnh nhân thân của bị cáo, nên được chấp nhận.

Về trách nhiệm dân sự và biện pháp tư pháp: Người bị hại Trần Tuấn V đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt là điện thoại di động và máy tính bảng. Trong quá trình điều tra, gia đình bị cáo đã trả tiền bị cáo nợ cho ông Lê Thanh H. Ông H cũng không có yêu cầu gì nên không xem xét giải quyết.

Tang vật thu giữ còn lại gồm: 01 (một) cái áo sơ mi dài tay, màu xanh và 01 (một) quần vải, màu đen là tài sản của bị cáo, nên trả lại cho bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 138 của Bộ luật hình sự, thì người phạm tội có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng. Xét thấy bị cáo không nghề nghiệp ổn định, không có tài sản nên chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát là không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Văn C phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Văn C**, phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt : Bị cáo **Nguyễn Văn C 01 (Một) năm tù**. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam 21/6/2017 (Ngày hai mươi một tháng sáu năm hai ngàn không trăm mười bảy).

- Áp dụng Điều 42 của Bộ luật hình sự; Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Trả lại cho bị cáo 01 (Một) cái áo sơ mi dài tay, màu xanh và 01 (Một) quần vải, màu đen (Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 17/7/2017 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra với Chi cục Thi hành án dân sự huyện A).

- Áp dụng Điều 99 của Bộ luật hình sự:

Bị cáo phải chịu **200.000 đồng** (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Thời hạn kháng cáo của bị cáo, người bị hại là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Thời hạn kháng cáo đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết bản án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh An Giang;
- VKSND huyện A;
- Nhà tạm giữ huyện A;
- Bị cáo C;
- Người bị hại; Liên quan;
- THADS huyện A;
- HSVA;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Văn Sáu